

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 12-01-2023

V/v tranh chấp về hôn nhân và gia
đình ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hoàng Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.

2. Bà Võ Thị Điệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Hồng Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 12 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 442/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 354/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Tổ **, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

- **Bị đơn:** Anh Bùi Văn N, sinh năm 19XX;

Địa chỉ: Tổ **, khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị Nguyễn Thị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Bùi Văn N vắng mặt tại phiên tòa không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị K trình bày:

- **Về hôn nhân:** Chị Nguyễn Thị K và anh Bùi Văn N quen nhau và kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/8/2011. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và có 03 con chung. Sau đó, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ

chồng sống xa nhau từ tháng 05/2022 đến nay. Thời gian xa nhau vợ chồng không có ý định hàn gắn tình cảm. Chị K xác định không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 03 con chung, tên Bùi Thanh N1, sinh ngày 06/8/2011, Bùi Thanh T, sinh ngày 01/4/2014 và Bùi Thanh D, sinh ngày 02/01/2019. Hiện nay, con chung đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về tài sản chung*: Không có.

- *Về nợ chung*: Không có.

Anh Bùi Văn N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh N không có Văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án.

Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án gồm:

- Căn cước công dân và Sổ hộ khẩu tên Nguyễn Thị K (Bản photo);
- Giấy chứng nhận kết hôn tên Bùi Văn N và Nguyễn Thị K (Bản chính);
- Trích lục khai sinh tên Bùi Thanh D (Bản sao);
- Giấy khai sinh tên Bùi Thanh N1 (Bản sao);
- Giấy khai sinh tên Bùi Thanh T (Bản sao).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là “*V/v tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn, nuôi con*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Bùi Văn N cư trú tại khóm M, thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chị K có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị K và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N.

Xét thấy, chị K và anh N quen nhau và kết hôn năm 2011 có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn M1, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp ngày 02/8/2011, là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng sống xa nhau từ tháng 05/2022 đến nay. Thời gian xa nhau vợ chồng không có ý định hàn gắn tình cảm. Hiện nay, Chị K xác định không còn tình cảm với anh N, mục đích hôn nhân không đạt được, chị K và anh N không còn tình cảm với nhau, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau trong cuộc sống.

Như vậy, có cơ sở xác định hôn nhân giữa chị K và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, chị Nguyễn Thị K yêu cầu ly hôn với anh Bùi Văn N là phù hợp theo quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị K xác định vợ chồng có 03 con chung, tên Bùi Thanh N1, sinh ngày 06/8/2011, Bùi Thanh T, sinh ngày 01/4/2014 và Bùi Thanh D, sinh ngày 02/01/2019. Hiện nay, con chung đang sống với chị K. Khi ly hôn, chị K yêu cầu được nuôi 03 con chung, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện nay chị K đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng 03 con chung. Do đó, để tránh việc thay đổi môi trường sống cũng như nhằm đảm bảo cho 03 cháu phát triển toàn diện về mọi mặt cả vật chất lẫn tinh thần nên tiếp tục giao 03 cháu N1, T và D cho chị K nuôi dưỡng. Ngoài ra, anh N đã được Tòa án tổng đạt văn bản tố tụng nhưng không có Văn bản ghi ý kiến về việc nuôi con gửi cho Tòa án. Cho nên, việc chị K yêu cầu được nuôi dưỡng 03 con chung là có căn cứ chấp nhận.

Sau ly hôn, chị K và anh N có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở; chị K cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; anh N không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm con của anh N được quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị K không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị K xác định không có, không yêu cầu giải quyết; anh N không có Văn bản gửi cho Tòa án yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị K.

- *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Bùi Văn N.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Bùi Thanh N1, sinh ngày 06/8/2011, Bùi Thanh T, sinh ngày 01/4/2014 và Bùi Thanh D, sinh ngày 02/01/2019 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị K và anh N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và thăm nom con chung, không ai được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án, số: 0009994 ngày 17/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị K đã nộp xong tiền án phí về hôn nhân và gia đình.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND huyện Cao Lãnh;
- CC THA DS huyện Cao Lãnh;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND TT. M, huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp (Số 92/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Thanh Trúc